

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - PT
Ngày 23 - 4 - 2021
“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm
Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2021/TLPT - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 508/2020/HNGĐ - ST, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2021/QĐ - PT ngày 25 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ – PT ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Hoàng L, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 167, ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Tố N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Đặng Hoàng L trình bày: Giữa anh L và chị Nguyễn Thị Tố N tự nguyện sống chung vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không còn tình cảm trong đời sống vợ chồng, đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay bản thân nguyên đơn nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tố N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Bảo T, sinh ngày 19/11/2012 (giới tính nữ), hiện nay do bị đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tố N thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới khởi kiện xin ly hôn với bị đơn. Nay bị đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn.
- Về con chung: Yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Bảo T và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 508/2020/HNGĐ - ST, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Hoàng L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tố N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tố N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 19/11/2012 (giới tính nữ). Anh Đặng

Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đ (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh L mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tài sản chung, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 09/11/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Tố N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn anh Đặng Hoàng L cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Đặng Hoàng L và bị đơn chị Nguyễn Thị Tố N tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc nâng mức cấp dưỡng nuôi con chung từ 745.000 đồng lên 1.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Đặng Hoàng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Tố N. Bị đơn cư trú tại ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” là đúng qui định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/11/2020, chị Nguyễn Thị Tố N có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng

hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2020 (bút lục số 19) và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện giữa chị N và anh L đã thống nhất việc anh L cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đặng Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/11/2020) cho đến khi cháu Đặng Bảo T tròn 18 tuổi là phù hợp và đúng theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Đặng Hoàng L tự nguyện nâng mức cấp dưỡng cho cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 19/11/2012 mỗi tháng là 1.500.000 đồng và chị N đồng ý đối với sự tự nguyện của anh L. Việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận nâng mức cấp dưỡng nuôi con chung từ 745.000 đồng lên 1.500.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Tô N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị Nguyễn Thị Tố N và anh Đặng Hoàng L. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Hoàng L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tố N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị Nguyễn Thị Tố N và anh Đặng Hoàng L như sau:

Chị Nguyễn Thị Tố N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 11 năm 2012. Anh Đặng Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đặng Bảo T đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Đặng Hoàng L, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đặng Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo Biên lai thu số 0005821 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Đặng Hoàng L phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0007051 ngày 09/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng